

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM YÊN
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **188/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 30/9/2021

Về việc tranh chấp hôn nhân gia đình
giữa anh Bàn Văn T và chị Triệu Thị T

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Bốn.

2. Bà Nguyễn Hà Linh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Kỳ Khôi - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đức Hợp - Kiểm sát viên.

Ngày 30/9/2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hàm Yên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 299/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2020 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 31/8/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 15/9/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Bàn Văn T, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn 8 M, xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Chị Triệu Thị T, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn 8 M, xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang (vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được triệu tập hợp lệ hai lần).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, anh Bàn Văn T trình bày:

Anh và chị Triệu Thị T kết hôn năm 2007, trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu, không bị cưỡng ép, lừa dối kết hôn, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn ngày 10/8/2007 tại UBND xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn vợ chồng làm ăn sinh sống tại Thôn 8 M, xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 2020 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống và kinh tế trong gia đình,

dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Anh và chị T ly thân từ năm 2020 đến nay, anh xác định không còn tình cảm với chị T, mâu thuẫn không hòa giải được, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Triệu Thị T.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là Bàn Thị Hoài T, sinh ngày 21/11/2006 và Bàn Anh Đ, sinh ngày 21/01/2009, anh đề nghị Tòa án giao cả hai cháu cho anh trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh không đề nghị chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Anh xác định không có tài sản, đất đai, vay nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã báo gọi chị Triệu Thị T đến để giải quyết vụ án nhưng chị T đều không có mặt. Qua xác minh tại gia đình bà Nông Thị Ư (mẹ đẻ của anh T), bà cho biết: Chị Triệu Thị T và anh Bàn Văn T kết hôn năm 2007 trên tinh thần tự nguyện và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, sau kết hôn chị T và anh T sinh sống tại Thôn 8 M, xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn. Anh T và chị T có 02 con chung là Bàn Thị Hoài T, sinh ngày 21/11/2006 và Bàn Anh Đ, sinh ngày 21/01/2009, nếu chị T và anh T ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh T và chị T không có tài sản, đất đai, vay nợ chung. Về việc Tòa án thông báo cho chị T đến để làm việc, bà đều thông báo cho chị T biết nhưng chị T đi làm ăn, khi về thăm nhà có nói lại là không có thời gian để lên Tòa án, đề Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xác minh tại địa phương, bà Phạm Thị D (trưởng thôn 8 Minh Tiến) cho biết: Chị Triệu Thị T và anh Bàn Văn T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn 8 M, xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, chị T và anh T có quan hệ vợ chồng hợp pháp từ năm 2007. Quá trình chung sống vợ chồng mâu thuẫn, xích mích, đỉnh điểm là năm 2020. Từ năm 2020 thì anh T và chị T ly thân cho đến nay. Anh T và chị T có 02 con chung là Bàn Thị Hoài T, sinh ngày 21/11/2006 và Bàn Anh Đ, sinh ngày 21/01/2009, hai cháu sinh sống với bà Nông Thị Ương (bà nội của 02 cháu) và anh T. Về tài sản chung không có gì đáng giá, vay nợ chung là việc riêng của mỗi gia đình nên không nắm được. Chị T đi làm ăn, hàng tháng vẫn về thăm con một, hai lần, nhưng lại đi ngay, địa chỉ cụ thể chị T không khai báo với thôn nên không biết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 28, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xử cho anh Bàn Văn T được ly hôn với chị Triệu Thị T; giao 02 con chung là cháu Bàn Thị Hoài T, sinh ngày 21/11/2006 và Bàn Anh Đ, sinh ngày 21/01/2009 cho anh Bàn Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Triệu Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung; anh Bàn Văn T phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo cung cấp của Thôn 8 M, xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang thì chị Triệu Thị T có hộ khẩu thường trú và vẫn sinh sống, tại Thôn 8 M, xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập, chị T đã biết nhưng không đến Tòa án để làm việc, đây được xem là trường hợp người bị kiện cố tình trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Bàn Văn T và chị Triệu Thị T kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, do cả hai không cùng chung sống, không quan tâm đến nhau và đã ly thân từ năm 2020 đến nay nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của anh Bàn Văn T xử cho anh T được ly hôn với chị Triệu Thị T.

[2] Về con chung: Anh Bàn Văn T và chị Triệu Thị T có 02 con chung là cháu Bàn Thị Hoài T, sinh ngày 21/11/2006 và Bàn Anh Đ, sinh ngày 21/01/2009, hiện đang ở cùng anh T. Tại Biên bản lấy lời khai, cháu Bàn Thị Hoài T và Bàn Anh Đ đều có ý kiến, nếu bố mẹ ly hôn sẽ ở với bố. Xét nguyện vọng của anh T và ý kiến của cháu T và cháu Đ là hợp lý, đồng thời căn cứ vào kết quả xác minh tại địa phương. Do đó, cần tuyên xử cho anh T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là Bàn Thị Hoài T, sinh ngày 21/11/2006 và Bàn Anh Đ, sinh ngày 21/01/2009. Chị Triệu Thị T được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị Triệu Thị T không đến Tòa án làm việc nên không xác định được ý kiến của chị T về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên, anh Bàn Văn T không đề nghị chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung, ý kiến của anh T không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên cần chấp nhận.

[3] Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Anh Bàn Văn T xác định không có tài sản, đất đai, vay nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Anh Bàn Văn T phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Bàn Văn T được ly hôn với chị Triệu Thị T.

2. Về con chung: Giao cháu Bàn Thị Hoài T, sinh ngày 21/11/2006 và Bàn Anh Đ, sinh ngày 21/01/2009 cho anh Bàn Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị Triệu Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền đi lại

thăm nom con chung, không ai được cản trở. Các bên có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

3. Về án phí: Anh Bàn Văn T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0002330 ngày 16/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên. Anh Bàn Văn T đã nộp đủ tiền án phí.

Chị Triệu Thị T không phải nộp án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Hàm Yên;
- T.H.A dân sự huyện Hàm Yên;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Công Ánh